

SỞ Y TẾ TỈNH GIA LAI
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
VIÊN CHỨC BÁC SĨ ĐƯỢC SĨ

PHỤ LỤC 1
DANH SÁCH KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG TÍNH HỌC KỶ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC (BÁC SĨ, ĐƯỢC SĨ) NĂM 2025

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã, tỉnh)	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Tiêu chuẩn khác	Đối tượng ưu tiên	Diện thu hút	Khoa/phòng/trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Khoa/phòng/trạm NV2	Đơn vị dự tuyển NV2	Vị trí dự tuyển NV2	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Số câu trả lời đúng	Tỷ lệ % câu trả lời đúng	Kết quả	Ghi chú
1	001	Luu Ngọc Ánh	25/10/2000	Nữ	An Phú, Gia Lai	Bác sĩ Y học dự phòng (002916)				Không	Không	Khoa Y tế công cộng và Dinh dưỡng	Trung tâm Y tế Pleiku	Bác sĩ Y học dự phòng	Khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS	Trung tâm Y tế Pleiku	Bác sĩ Y học dự phòng	Bác sĩ Y học dự phòng (hạng III)	22/30	73.3 %	Đạt	
2	002	KPã Bay	22/3/1999	Nam	Ia Pa, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa 04052				Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Chăm sóc sức khoẻ sinh sản	Trung tâm Y tế Ayun Pa	Bác sĩ Y khoa	Khoa Khám bệnh-Liên chuyên khoa	Trung tâm Y tế Ia Pa	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	29/30	96.7 %	Đạt	
3	003	Rơ Ô Buih	22/01/1994	Nam	Ia Dreh, Gia Lai	Đại học ngành Dược YDC.DS.001328	Miễn thi			Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Krông Pa	Đại học ngành Dược	Khoa Dược-TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Phú Thiện	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	30/30	100 %	Đạt	
4	004	Nguyễn Thị Ngọc Cẩm	27/7/2000	Nữ	Ia Lâu, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (YKV.BS001800)	Tiếng anh B1 (ĐHVID00 002163)			Không	Không	Tram Y tế xã Ia Lâu	Trung tâm Y tế Chư Prông	Bác sĩ Y khoa	Khoa Phục hồi chức năng	Bệnh viện Y Dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)				Bỏ thi
5	005	Nguyễn Lan Chi	06/8/1999	Nữ	Ia Boong, Gia Lai	Đại học ngành Dược (002816)				Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Chư Prông	Đại học ngành Dược				Dược sĩ (hạng III)	25/30	83.3 %	Đạt	
6	006	Lương Phương Chi	29/9/2000	Nữ	Hội Phú, Gia Lai	Đại học ngành Dược (D000678)				Không	Không	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Bệnh viện 331	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	30/30	100 %	Đạt	
7	007	Lê Thị Chinh	18/11/1999	Nữ	Ia Krái, Gia Lai	Đại học ngành Dược 7301550				Không	Không	Khoa Dược - TTB_VTYT	Trung tâm Y tế Đức Cơ	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Bệnh viện 331	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	29/30	96.7 %	Đạt	
8	008	Dương Tiến Công	14/10/1998	Nam	Pờ Tó, Gia Lai	Bác sĩ Y học cổ truyền (YDS.B3.000187)				Không	Không	Khoa Nội 1	Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn	Bác sĩ Y học cổ truyền	Khoa Nội 5	Bệnh viện Y Dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bác sĩ (hạng III)				Bỏ thi
9	009	Nguyễn Thành Đạt	17/5/1996	Nam	An Phú, Gia Lai	Đại học ngành Dược 7302638				Không	Không	Phòng kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	27/30	90 %	Đạt	
10	010	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	19/6/1998	Nữ	Đak Đoa, Gia Lai	Đại học ngành Dược 77300979				Không	Không	Phòng Kiểm nghiệm mỹ phẩm, thực phẩm	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)				Bỏ thi
11	011	Nguyễn Thị Diệp	25/12/2000	Nữ	Phú Túc, Gia Lai	Đại học ngành Dược 7302418				Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Krông Pa	Đại học ngành Dược	Khoa Dược-TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Phú Thiện	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	21/30	70 %	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã, tỉnh)	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Tiêu chuẩn khác	Đối tượng ưu tiên	Diện thu hút	Khoa/phòng/trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Khoa/phòng/trạm NV2	Đơn vị dự tuyển NV2	Vị trí dự tuyển NV2	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Số câu trả lời đúng	Tỷ lệ % câu trả lời đúng	Kết quả	Ghi chú
12	012	Võ Sỹ Đông	19/02/1981	Nam	Chư Puh, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa 010643 Bác sĩ Chuyên khoa I sản phụ khoa 0038334				Không	Không	Khoa Ngoại sản - CSSKSS	Trung tâm Y tế Chư Puh	Bác sĩ Y khoa	Khoa Khám bệnh	Trung tâm Y tế Chư Puh	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	24/30	80 %	Đạt	
13	013	Trịnh Thị Quỳnh Dung	15/10/1995	Nữ	Kon Tum, Quảng Ngãi	Đại học ngành Dược (NTTDS.10104896)				Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Bệnh viện 331	Đại học ngành Dược	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)				Bỏ thi
14	014	Nguyễn Viễn Dương	07/6/1997	Nam	An Khê, Gia Lai	Đại học ngành Dược (DHL0502561)				Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược				Dược sĩ (hạng III)				Bỏ thi
15	015	Ngô Hồng Phương Duy	06/12/1999	Nữ	Phú Túc, Gia Lai	Đại học ngành Dược 7301558				Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Mang Yang	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	25/30	83.3 %	Đạt	
16	016	Dương Xuân Hà	13/11/1994	Nam	Chư Sê, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (TTN.YK.002877)				Không	Không	Khoa Ngoại - Chăm sóc sức khỏe sinh sản	Trung tâm Y tế Chư Sê	Bác sĩ Y khoa	Khoa Nội - Nhi - Nhiễm	Trung tâm Y tế Chư Sê	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	28/30	93.3 %	Đạt	
17	017	Nguyễn Văn Hải	07/11/1991	Nam	Chư Sê, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (000407)				Không	Không	Khoa xét nghiệm - CDHA	Trung tâm Y tế Chư Sê	Bác sĩ Y khoa				Bác sĩ (hạng III)				Bỏ thi
18	018	Nguyễn Minh Hải	09/4/2001	Nam	Thống Nhất, Gia Lai	Đại học ngành Dược (00677)				Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Bệnh viện 331	Đại học ngành Dược	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)				Bỏ thi
19	019	Đào Thị Thanh Hằng	13/3/2000	Nữ	Pleiku, Gia Lai	Đại học ngành Dược (NTTDS.10104844)				Không	Không	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)				Bỏ thi
20	020	Lê Thị Hằng	12/8/1998	Nữ	Ia Bông, Gia Lai	Đại học ngành Dược (7301007)				Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Chư Prông	Đại học ngành Dược		Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	27/30	90 %	Đạt	
21	021	Trương Thị Mỹ Hào	21/6/2003	Nữ	Ayun Pa, Gia Lai	Đại học ngành Dược 0000405				Không	Không	Khoa Dược-TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Ia Pa	Đại học ngành Dược	Khoa Dược-TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Phú Thiện	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	29/30	96.7 %	Đạt	
22	022	Lê Thị Hoa	29/7/1998	Nữ	Chư Prông, Gia Lai	Đại học ngành Dược (7301381)				Không	Không	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	21/30	70 %	Đạt	
23	023	Phạm Nguyễn Hoàng Hoa	28/01/2000	Nữ	Diên Hồng, Gia Lai	Đại học ngành Dược (YDS.DS.000987)				Không	Không	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	29/30	96.7 %	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã, tỉnh)	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Tiêu chuẩn khác	Đối tượng ưu tiên	Diện thu hút	Khoa/phòng/trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Khoa/phòng/trạm NV2	Đơn vị dự tuyển NV2	Vị trí dự tuyển NV2	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Số câu trả lời đúng	Tỷ lệ % câu trả lời đúng	Kết quả	Ghi chú	
24	024	Dương Thị Thanh Hoài	26/3/2001	Nữ	Đắk Hà, Quảng Ngãi	Đại học ngành Dược (0000030)				Không	Không	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược				Dược sĩ (hạng III)	26/30	86.7 %	Đạt		
25	025	Nguyễn Thị Thu Hoài	01/9/1992	Nữ	Diên Hồng, Gia Lai	Đại học ngành Dược (008878)				Không	Không	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Bệnh viện 331	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)				Bỏ thi	
26	026	Lê Hoàng	24/11/1992	Nam	Chư Prông, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa 001348				Không	Không	Khoa KSBT - HIV/AIDS và ATTP	Trung tâm Y tế Chư Prông	Bác sĩ Y khoa	Khoa YTCC và Dinh dưỡng	Trung tâm Y tế Chư Prông	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)				Bỏ thi	
27	027	Nguyễn Thị Thu Hồng	13/10/1998	Nữ	Kông Bơ La, Gia Lai	Đại học ngành Dược (DS.2025/101.1571)				Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Bệnh viện 331	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	29/30	96.7 %	Đạt		
28	028	Long Nhie Huỳnh	17/9/1991	Nữ	Ia Hrú, Gia Lai	Đại học ngành Dược (010993)	Miễn thi			Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Dược-TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Phú Thiện	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	28/30	93.3 %	Đạt		
29	029	Phạm Lê Huệ	26/6/1999	Nữ	Phù Cát, Gia Lai	Đại học ngành Dược (PH02129)				Không	Không	Khoa Dược-TTB-Vật tư Y tế	Trung tâm Y tế Phù Cát	Đại học ngành Dược				Dược sĩ (hạng III)				Bỏ thi	
30	030	Nguyễn Trần Ngọc Hương	20/9/1999	Nữ	Ia Grai, Gia Lai	Đại học ngành Dược (0000407)				Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Bệnh viện 331	Đại học ngành Dược	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	30/30	100 %	Đạt		
31	031	Phan Thị Kỳ Hương	25/8/2003	Nữ	Thống Nhất, Gia Lai	Đại học ngành Dược 0000408				Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Bệnh viện 331	Đại học ngành Dược	Phòng Dược lý - Vi sinh		Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)				Bỏ thi	
32	032	Trần Minh Huyền	20/9/2000	Nữ	Diên Hồng, Gia Lai	Đại học ngành Dược (NTTDS.10202940)	Tiếng anh Bắc 4 (E024123)				Không	Không	Phòng Kiểm nghiệm Mỹ phẩm, thực phẩm	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)			Không đạt	Vi phạm nội quy thi
33	033	Nguyễn Thị Huyền	30/9/1992	Nữ	Ia Hrun, Gia Lai	Đại học ngành Dược (DLH0501275)				Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Bệnh viện 331	Đại học ngành Dược	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	29/30	96.7 %	Đạt		
34	034	Trần Sĩ Khoa	03/12/1996	Nam	Chư Pruh, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (YKV.BS002384)				Không	Không	Khoa PHCN	Bệnh viện Y Dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Bác sĩ Y khoa	Khoa Nội Nhi Nhiễm	Bệnh viện 331	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	23/30	76.7 %	Đạt		

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã, tỉnh)	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Tiêu chuẩn khác	Đối tượng ưu tiên	Diện thu hút	Khoa/phòng/trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Khoa/phòng/trạm NV2	Đơn vị dự tuyển NV2	Vị trí dự tuyển NV2	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Số câu trả lời đúng	Tỷ lệ % câu trả lời đúng	Kết quả	Ghi chú
35	035	Nguyễn Thị Thanh Kiều	25/02/2000	Nữ	Tuy Phước Bắc, Gia Lai	Đại học ngành Dược (QH36202200171)	Tiếng Anh bậc 4 (0017101)			Không	Không	Khoa Dược-TTB Vật tư Y tế	Trung tâm Y tế Phù Cát	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Cận lâm sàng	Trung tâm Y tế Vân Canh	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)				Bỏ thi
36	036	Nguyễn Văn Kiều	11/9/1997	Nam	Đức Cơ, Gia Lai	Cử nhân Y học cổ truyền (10063920230500036; Bác sĩ y học cổ truyền: YHN0047)	Miễn thi			Không	Không	Khoa Nội - Nhi - Nhiễm - Y học cổ truyền và phục hồi chức năng	Trung tâm Y tế Chư Prông	Bác sĩ Y học cổ truyền	Khoa Nội - Nhi - Nhiễm - Y học cổ truyền và phục hồi chức năng	Trung tâm Y tế Chư Păh	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bác sĩ (hạng III)				Bỏ thi
37	037	Võ Nguyễn Thiện Lam	15/10/1993	Nam	Chư Sê, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (000542)				Không	Không	Khoa Khám bệnh - LCK	Trung tâm Y tế Chư Sê	Bác sĩ Y khoa				Bác sĩ (hạng III)				Bỏ thi
38	038	Ksor H' Li Lan	25/10/1996	Nữ	Ayun Pa, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (001340)				Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Nội tổng hợp	Trung tâm Y tế Ayun Pa	Bác sĩ Y khoa	Khoa Truyền nhiễm	Trung tâm Y tế Ayun Pa	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	29/30	96.7 %	Đạt	
39	039	Hoàng Thị Nhật Linh	26/9/1999	Nữ	Kbang, Gia Lai	Đại học ngành Dược NTTDS.10101524				Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Kbang	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)				Bỏ thi
40	040	Trần Thị Mỹ Linh	30/12/1999	Nữ	Hội Phú, Gia Lai	Đại học ngành Dược (10101671)				Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Bệnh viện 331	Đại học ngành Dược	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	26/30	86.7 %	Đạt	
41	041	Lê Thị Phương Linh	12/02/1999	Nữ	An Bình, Gia Lai	Đại học ngành Dược (002856)				Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược				Dược sĩ (hạng III)	28/30	93.3 %	Đạt	
42	042	Trần Võ Thị Mỹ Linh	07/9/1997	Nữ	Thống Nhất, Gia Lai	Đại học ngành Dược (7300225)				Không	Không	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Bệnh viện 331	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	30/30	100 %	Đạt	
43	043	Ksor Y Linh	14/8/2000	Nữ	Ia Phí, Gia Lai	Đại học ngành Dược D0001291				Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Bệnh viện 331	Đại học ngành Dược	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	30/30	100 %	Đạt	
44	044	Nguyễn Thị Cẩm Long	23/09/2000	Nữ	Ia Krêl, Gia Lai	Đại học ngành Dược D103061				Không	Không	Khoa Dược - TTB_VTYT	Trung tâm Y tế Đức Cơ	Đại học ngành Dược	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	27/30	90 %	Đạt	
45	045	Rah Lan H' Lý Lú	21/9/1998	Nữ	Ayun Pa, Gia Lai	Bác sĩ Y học cổ truyền (YDS.B3.000434)				Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Nội 5	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Bác sĩ Y học cổ truyền	Khoa Y học cổ truyền và phục hồi chức năng	Trung tâm Y tế An Khê	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bác sĩ (hạng III)	30/30	100 %	Đạt	
46	046	Rcom H' Lúy	26/3/1999	Nữ	Ayun Pa, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa 03313				Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Điều trị bệnh nhân tâm thần Nữ	Bệnh viện Tâm Thần kinh Pleiku	Bác sĩ Y khoa	Khoa Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh	Trung tâm Y tế Ayun Pa	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	30/30	100 %	Đạt	
47	047	Đỗ Thị Trà My	19/9/2001	Nữ	Hội Phú, Gia Lai	Đại học ngành Dược D0001139	Tiếng Anh B1 22.B1.002030			Không	Không	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Bệnh viện 331	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	29/30	96.7 %	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã, tỉnh)	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Tiêu chuẩn khác	Đối tượng ưu tiên	Diện thu hút	Khoa/phòng/trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Khoa/phòng/trạm NV2	Đơn vị dự tuyển NV2	Vị trí dự tuyển NV2	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Số câu trả lời đúng	Tỷ lệ % câu trả lời đúng	Kết quả	Ghi chú
48	048	Trương Thị Trà My	13/10/2001	Nữ	Kbang, Gia Lai	Đại học ngành Dược (0000049)				Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Kbang	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)				Bỏ thi
49	049	Vũ Thị Kim Ngân	29/4/2002	Nữ	Pleiku, Gia Lai	Đại học ngành Dược 0000299	Tiếng Anh B1 546/6/PH20 A/A			Không	Không	phòng Dược lý - Vi sinh	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Bệnh viện 331	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)				Bỏ thi
50	050	Nguyễn Thị Thu Ngân	26/3/2001	Nữ	Ayun Pa, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa YKV.BS002317				Không	Không	Khoa Nội Tổng hợp	Trung tâm Y tế Ayun Pa	Bác sĩ Y khoa	Khoa Ngoại Tổng hợp	Trung tâm Y tế Ayun Pa	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	27/30	90 %	Đạt	
51	051	Bùi Thức Nghĩa	12/5/1999	Nam	Ea Tul, Gia Lai	Bác sĩ Y học cổ truyền (03497)				Không	Không	Khoa Nội - Nhi - Nhiễm - Y học cổ truyền và phục hồi chức năng	Trung tâm Y tế Chư Păh	Bác sĩ Y học cổ truyền	Khoa Nội 5	Bệnh viện Y Dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bác sĩ (hạng III)				Bỏ thi
52	052	Trần Thị Như Ngọc	06/01/2002	Nữ	Ayun Pa, Gia Lai	Đại học ngành Dược (NTTDS.10104680)				Không	Không	Khoa Dược-TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Phú Thiện	Đại học ngành Dược	Khoa Dược-TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Ia Pa	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	29/30	96.7 %	Đạt	
53	053	Lê Thị Kim Ngọc	01/9/1998	Nữ	Quy Nhơn Bắc, Gia Lai	Đại học ngành Dược (7301386)				Không	Không	Khoa Dược-TTB-Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Phù Cát	Đại học ngành Dược				Dược sĩ (hạng III)	28/30	93.3 %	Đạt	
54	054	Rah Lan H' Nhang	15/10/2000	Nữ	Uar, Gia Lai	Bác sĩ YHCT DHH.6.I.0000045				Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa YHCT-PHCN	Trung tâm Y tế An Khê	Bác sĩ Y học cổ truyền	Khoa Nội Nhi Nhiễm - YHCT	Trung tâm Y tế Chư Prông	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bác sĩ (hạng III)				Bỏ thi
55	055	Nguyễn Thị Hồng Nhi	25/4/2000	Nữ	Diên Hồng, Gia Lai	Đại học ngành Dược (NTTDS.10102268)	Tiếng anh Bậc 3 (E023849)			Không	Không	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	29/30	96.7 %	Đạt	
56	056	Phạm Hồng Yến Nhi	22/8/2001	Nữ	Ia Grai, Gia Lai	Đại học ngành Dược BMU.D.000810				Không	Không	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	28/30	93.3 %	Đạt	
57	057	Nguyễn Thị Nữ	10/4/2001	Nữ	Chư Prông, Gia Lai	Đại học ngành Dược (7302548)				Không	Không	Phòng Kiểm nghiệm mỹ phẩm, thực phẩm	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Bệnh viện 331	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)				Bỏ thi
58	058	Lê Nguyễn Ngọc Nữ	01/12/2000	Nữ	An Nhơn Bắc, Gia Lai	Đại học ngành Dược (7302194)				Không	Không	Khoa Dược-TTB-Vật tư Y tế	Trung tâm Y tế Phù Cát	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	29/30	96.7 %	Đạt	
59	059	Đỗ Thị Kim Oanh	08/12/1997	Nữ	Ia Băng, Gia Lai	Đại học ngành Dược (BMU.D.000174)	Tiếng anh B1 (184/ĐHB MT-TTNTH-B1)			Không	Không	Khoa Dược - TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Đại học ngành Dược				Dược sĩ (hạng III)				Bỏ thi

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã, tỉnh)	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Tiêu chuẩn khác	Đối tượng ưu tiên	Điện thu hút	Khoa/phòng/trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Khoa/phòng/trạm NV2	Đơn vị dự tuyển NV2	Vị trí dự tuyển NV2	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Số câu trả lời đúng	Tỷ lệ % câu trả lời đúng	Kết quả	Ghi chú
60	060	Tô Thị Hoàng Phúc	08/10/1997	Nữ	Diên Hồng, Gia Lai	Đại học ngành Dược (NTTDS.10100461)				Không	Không	Phòng Dược lý - Vi sinh	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Phòng kiểm nghiệm	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	29/30	96,7 %	Đạt	
61	061	Đặng Ngọc Phước	04/01/2001	Nam	Bình Dương, Gia Lai	Bác sĩ Y học cổ truyền (YDS.B3.000782)				Không	Không	Khoa Nội 1	Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn	Bác sĩ Y học cổ truyền				Bác sĩ (hạng III)	30/30	100 %	Đạt	
62	062	Phạm Thị Minh Phương	27/12/1996	Nữ	Đak Đoa, Gia Lai	Đại học ngành Dược (NTTDS.10201207)				Không	Không	Khoa Dược - TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Mang Yang	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	28/30	93,3 %	Đạt	
63	063	Phạm Thị Xuân Quỳnh	01/01/2001	Nữ	Ia Hiao, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa YHN3100431				Không	Không	Khoa Nội Tổng hợp	Trung tâm Y tế Ayun Pa	Bác sĩ Y khoa	Trạm Y tế xã Ia Hiao	Trung tâm Y tế Phú Thiện	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	29/30	96,7 %	Đạt	
64	064	Lê Thanh Sang	04/5/2000	Nữ	Pleiku, Gia Lai	Đại học ngành Dược (NTTDS.10102263)				Không	Không	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)				Bỏ thi
65	065	Lê Văn Sang	01/8/1995	Nam	Tuy Phước Đông, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (C0007209)				Không	Thu hút	Khoa Nội - Nhi	Trung tâm Y tế Tuy Phước	Bác sĩ Y khoa	Khoa Khám bệnh	Trung tâm Y tế Tuy Phước	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	26/30	86,7 %	Đạt	
66	066	Nguyễn Thị Thanh Sang	02/01/2001	Nữ	Chư Sê, Gia Lai	Bác sĩ YHCT YDS.B3.000800				Không	Không	Khoa Nội 5	Bệnh viện Y Dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Bác sĩ Y học cổ truyền				Bác sĩ (hạng III)	29/30	96,7 %	Đạt	
67	067	Đặng Đức Tài	03/9/1997	Nam	An Khê, Gia Lai	Đại học ngành Dược (010126)				Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Chư Prông	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	30/30	100 %	Đạt	
68	068	Hồ Minh Tâm	03/10/2001	Nữ	Kbang, Gia Lai	Đại học ngành Dược (DU000217)				Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Kbang	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	30/30	100 %	Đạt	
69	069	Lê Thị Ngọc Thắm	03/4/2002	Nữ	Hòa Hội, Gia Lai	Đại học ngành Dược (DU000342)				Con thương binh	Không	Khoa Dược-TTB-Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Phù Cát	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	29/30	96,7 %	Đạt	
70	070	Nguyễn Thị Phương Thảo	16/11/1996	Nữ	Pleiku, Gia Lai	Đại học ngành Dược (021444)				Không	Không	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Phòng Kiểm nghiệm mỹ phẩm, thực phẩm	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	24/30	80 %	Đạt	
71	071	Nguyễn Thị Phương Thảo	15/11/2002	Nữ	Pleiku, Gia Lai	Đại học ngành Dược NTTDS.10104570				Không	Không	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	29/30	96,7 %	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã, tỉnh)	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Tiêu chuẩn khác	Đối tượng ưu tiên	Diện thu hút	Khoa/phòng/trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Khoa/phòng/trạm NV2	Đơn vị dự tuyển NV2	Vị trí dự tuyển NV2	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Số câu trả lời đúng	Tỷ lệ % câu trả lời đúng	Kết quả	Ghi chú
72	072	Rơ Chăm Thiêm	01/02/1997	Nữ	Hội Phú, Gia Lai	Đại học ngành Dược 7300718				Người dân tộc thiểu số	Không	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)				Bỏ thi
73	073	Biện Tấn Hoàng Thiện	19/8/1988	Nam	Tuy Phước Tây, Gia Lai	Đại học ngành Dược (D0001445)				Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Kbang	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	27/30	90 %	Đạt	
74	074	Trần Thị Bích Thư	30/4/2001	Nữ	Chư Krey, Gia Lai	Đại học ngành Dược (DH02606)				Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược				Dược sĩ (hạng III)	20/30	66.7 %	Đạt	
75	075	Nguyễn Thị Thực	20/9/1994	Nữ	Ia Dok, Gia Lai	Đại học ngành Dược 7301506				Không	Không	Khoa Dược - TTB_VTYT	Trung tâm Y tế Đức Cơ	Đại học ngành Dược				Dược sĩ (hạng III)	28/30	93.3 %	Đạt	
76	076	Nguyễn Thị Thùy Thương	02/12/2001	Nữ	Đăk Bla, Quảng Ngãi	Đại học ngành Dược D0001212				Không	Không	Phòng Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	29/30	96.7 %	Đạt	
77	077	Đỗ Thị Thúy	18/4/1993	Nữ	Kbang, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa 034542				Không	Không	Khoa Ngoại - LCK	Trung tâm Y tế Kbang	Bác sĩ Y khoa	Phòng KHTC	Trung tâm Y tế Kbang	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	30/30	100 %	Đạt	
78	078	Trần Đức Tín	17/5/1993	Nam	Pleiku, Gia Lai	Đại học ngành Dược (005062)				Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Chư Prông	Đại học ngành Dược				Dược sĩ (hạng III)	27/30	90 %	Đạt	
79	079	Nguyễn Thị Trang	26/11/1998	Nữ	Ia Dom, Gia Lai	Đại học ngành Dược D002415				Không	Không	Khoa Dược - TTB_VTYT	Trung tâm Y tế Đức Cơ	Đại học ngành Dược				Dược sĩ (hạng III)				Bỏ thi
80	080	Nguyễn Thùy Trang	16/01/2000	Nữ	Pleiku, Gia Lai	Đại học ngành Dược (BMU.D.000782)				Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Mang Yang	Đại học ngành Dược	Phòng Kiểm nghiệm thuốc			Dược sĩ (hạng III)	28/30	93.3 %	Đạt	
81	081	Trịnh Nhã Trang	01/6/2002	Nữ	Kbang, Gia Lai	Đại học ngành Dược DU000358				Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Kbang	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	28/30	93.3 %	Đạt	
82	082	Nguyễn Anh Tuấn	10/02/1998	Nam	Ia Băng, Gia Lai	Đại học ngành Dược (BMU.D.000177)				Không	Không	Khoa Dược - TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Đại học ngành Dược				Dược sĩ (hạng III)				Bỏ thi
83	083	Lê Văn Tuyển	28/8/1978	Nam	Đak Đoa, Gia Lai	Bác sĩ Chuyên khoa cấp 1 chẩn đoán hình ảnh (BS: 039128; CKI: 0075088)				Không	Không	Trạm Y tế xã Kon Gang - cơ sở 4	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Bác sĩ Y khoa	Trạm Y tế xã KDang - Cơ sở 2	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	28/30	93.3 %	Đạt	
84	084	Phạm Trần Kim Tuyển	29/9/2002	Nữ	Phú Thiện, Gia Lai	Đại học ngành Dược (0000320)				Không	Không	Khoa Dược-TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Phú Thiện	Đại học ngành Dược	Khoa Dược-TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Ia Pa	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	29/30	96.7 %	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã, tỉnh)	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Tiêu chuẩn khác	Đối tượng ưu tiên	Điện thu hút	Khoa/phòng/trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Khoa/phòng/trạm NV2	Đơn vị dự tuyển NV2	Vị trí dự tuyển NV2	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Số câu trả lời đúng	Tỷ lệ % câu trả lời đúng	Kết quả	Ghi chú
85	085	Nguyễn Thị Kim Tuyền	02/8/1980	Nữ	Chư Sê, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa B574672				Không	Không	Khoa Nội - Nhi - Nhiễm	Trung tâm Y tế Chư Sê	Bác sĩ Y khoa	Khoa Khám bệnh	Trung tâm Y tế Chư Puh	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)				Bỏ thi
86	086	Trương Ngọc Phương Uyên	20/12/1998	Nữ	Pleiku, Gia Lai	Đại học ngành Dược (7301239)				Không	Không	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Phòng Mỹ phẩm - Thực phẩm	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)				Bỏ thi
87	087	Hà Thu Uyên	17/4/1998	Nữ	Ayun Pa, Gia Lai	Đại học ngành Dược (000377)				Không	Không	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược				Dược sĩ (hạng III)				Bỏ thi
88	088	Cao Thanh Vân	03/11/2000	Nữ	Đak Đoa, Gia Lai	Đại học ngành Dược (NTTDS.10204907)				Không	Không	Khoa Dược - TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Đại học ngành Dược	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	28/30	93.3 %	Đạt	
89	089	Võ Thị Thảo Vân	10/10/2000	Nữ	Đak Đoa, Gia Lai	Đại học ngành Dược D0000723				Không	Không	Khoa Dược - TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Mang Yang	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	29/30	96.7 %	Đạt	
90	090	Hồ Thị Hải Yến	12/3/1999	Nữ	Tuy Phước Bắc, Gia Lai	Đại học ngành Dược (7301828)				Không	Không	Khoa Dược-TTB Vật tư Y tế	Trung tâm Y tế Phù Cát	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Cận lâm sàng	Trung tâm Y tế Văn Canh	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	26/30	86.7 %	Đạt	

Tổng danh sách: 90 thí sinh